

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ
thành phố Đà Nẵng đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

*Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ
sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 06 năm 2009; Luật sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ
ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2021 của
Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển
tài sản trí tuệ đến năm 2030;*

*Căn cứ Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 9 tháng 9 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát
triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2020 của
UBND thành phố Đà Nẵng quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công
nghệ thành phố Đà Nẵng;*

*Thực hiện Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030; Quyết định
số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê
duyet Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số
75/TTr-SKHCN ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc đề nghị phê duyệt Chương
trình phát triển tài sản trí tuệ thành phố Đà Nẵng đến năm 2030; ý kiến biểu
quyết của Thành viên Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ thành phố Đà
Nẵng đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Chương trình) với các nội dung chính
như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Cụ thể hóa các mục tiêu và nội dung Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm

2030 ban hành kèm theo Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 và Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ cho phù hợp với thành phố Đà Nẵng.

b) Đưa sở hữu trí tuệ trở thành công cụ quan trọng, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường khuyến khích đổi mới sáng tạo, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng.

c) Hướng tới hình thành văn hóa sở hữu trí tuệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và phù hợp với bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025

- Nâng cao nhận thức, năng lực khai thác, quản lý và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố; tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện tuyên truyền, tập huấn, đào tạo từ cơ bản đến chuyên sâu cho khoảng 3.000 lượt người; xây dựng mỗi năm ít nhất 12 chuyên mục về sở hữu trí tuệ tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Gia tăng số lượng và chất lượng tài sản trí tuệ mới của các tổ chức, cá nhân, cải thiện các chỉ số về sở hữu trí tuệ trên địa bàn thành phố. Số lượng đơn đăng ký, văn bằng bảo hộ sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, giống cây trồng gia tăng (giai đoạn 2021-2025 tăng khoảng 1,5 lần so với giai đoạn 2016-2020). Trong đó số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu tăng trung bình 10%/năm.

- Hỗ trợ đăng ký bảo hộ ít nhất 120 đối tượng sở hữu trí tuệ, bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý, giống cây trồng cho các sản phẩm trên địa bàn thành phố.

- Hỗ trợ ít nhất 50% sản phẩm tham gia Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (sau đây viết tắt là sản phẩm OCOP); sản phẩm của doanh nghiệp khoa học và công nghệ; sản phẩm thương mại mang tính đặc trưng; sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; sản phẩm nông nghiệp của các hợp tác xã, làng nghề được hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, mã số, mã vạch.

b) Đến năm 2030

- Nâng cao nhận thức, năng lực khai thác, quản lý và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố; tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện tuyên truyền, tập huấn, đào tạo từ cơ bản đến chuyên sâu cho khoảng 5.000 lượt người; xây dựng mỗi năm ít nhất 12 chuyên mục về sở hữu trí tuệ tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Số lượng đơn đăng ký, văn bằng bảo hộ sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, giống cây trồng tiếp tục gia tăng (giai đoạn 2025-2030 số

lượng đơn, văn bằng tăng khoảng 1,5 lần so với giai đoạn 2021-2025). Trong đó số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu tăng trung bình 10%/năm.

- Trên 90% sản phẩm tham gia Chương trình OCOP; sản phẩm của doanh nghiệp khoa học và công nghệ; sản phẩm thương mại mang tính đặc trưng; sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; sản phẩm nông nghiệp của các hợp tác xã, làng nghề được hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, mã số, mã vạch.

- Tăng cường các hoạt động khai thác, thương mại hóa tài sản trí tuệ; tăng tỷ lệ sáng chế được khai thác thương mại; tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ; phát triển nhãn hiệu cho các sản phẩm có chứa địa danh, dấu hiệu biểu trưng, lợi thế của thành phố. Tỷ lệ sáng chế được khai thác thương mại đạt ít nhất 10% số sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ.

- Chỉ dẫn địa lý, nguồn gen, tri thức truyền thống, bí quyết kỹ thuật, văn hóa dân gian được bảo hộ và khai thác hiệu quả trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Nâng cao nhận thức, chất lượng nguồn lực về sở hữu trí tuệ

a) Tổ chức chương trình tập huấn, đào tạo về sở hữu trí tuệ:

- Phối hợp với Cục Sở hữu trí tuệ, Viện, trường và các đơn vị có liên quan xây dựng và tổ chức chương trình tập huấn, đào tạo về sở hữu trí tuệ (sau đây viết tắt là SHTT) từ cơ bản đến chuyên sâu về SHTT phù hợp với từng nhóm đối tượng, trong đó có chương trình đào tạo chuyên sâu về SHTT tại một số cơ sở giáo dục đào tạo từ đó nâng cao năng lực chuyên môn về SHTT trên địa bàn thành phố, tạo ra được đội ngũ nhân lực tham gia vào các hoạt động SHTT.

- Đào tạo chuyên sâu về SHTT cho cán bộ, công chức thuộc các cơ quan quản lý nhà nước; tổ chức cho cán bộ, công chức tham gia các hoạt động đào tạo, hướng dẫn sử dụng, khai thác thông tin SHTT do Cục SHTT tổ chức.

b) Phát triển, nâng cao năng lực các tổ chức trung gian và chủ thể quyền SHTT

- Hỗ trợ nâng cao năng lực của tổ chức trung gian tham gia hoạt động kiểm soát, quản lý các sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể.

- Hỗ trợ nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của chủ thể quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và giống cây trồng; tổ chức đại diện, quản lý và chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan.

- Phát triển dịch vụ tư vấn về quản trị, phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp, viện nghiên cứu và trường đại học.

c) Hình thành, tạo dựng văn hóa SHTT trong xã hội

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về SHTT trên các phương tiện thông

tin đại chúng như: Đài Phát thanh - Truyền hình Đà Nẵng, Báo Đà Nẵng và các cơ quan báo, đài khác liên quan, Cổng Thông tin điện tử thành phố, Trang Thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở, ngành, đơn vị có liên quan, nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo và xây dựng ý thức, trách nhiệm tôn trọng quyền SHTT.

+ Sản xuất, biên soạn, xây dựng các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm báo chí, xuất bản (các chương trình, chuyên mục, tiểu phẩm, ký sự, bài viết).

+ Sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng tác phẩm văn học nghệ thuật (tranh, pa-nô, áp phích, băng-rôn, khẩu hiệu, băng điện tử).

+ Sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng chương trình truyền hình, chương trình phát thanh.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện tuyên truyền, nâng cao nhận thức về SHTT, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiếp cận thông tin SHTT.

- Biên soạn, phát hành các tài liệu về SHTT.

- Tổ chức vinh danh, khen thưởng các cá nhân điển hình có tài sản trí tuệ, thành quả sáng tạo mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng và xã hội, các tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động SHTT.

2. Khuyến khích, thúc đẩy các hoạt động tạo ra và xác lập tài sản trí tuệ

a) Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu để phát triển tài sản trí tuệ

- Điều tra, khảo sát thu thập thông tin về tài sản trí tuệ, các hoạt động liên quan đến công tác sáng tạo, xác lập, khai thác và bảo vệ, thực thi quyền SHTT của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường Đại học, cơ quan quản lý nhà nước, UBND các quận/huyện, Hợp tác xã... trên địa bàn thành phố.

Trong đó chú trọng các nội dung:

+ Khảo sát đánh giá về các sản phẩm nông nghiệp nông thôn có khả năng xây dựng thương hiệu cộng đồng gắn với chỉ dẫn nguồn gốc địa lý để làm cơ sở xác lập, xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận; nghiên cứu, đánh giá về điều kiện địa lý, chất lượng sản phẩm, khu vực địa lý, tính chất đặc thù, lịch sử, nguồn gốc, danh tiếng sản phẩm, quy mô... và các điều kiện khác có liên quan để xây dựng chỉ dẫn địa lý đối với các sản phẩm của địa phương mang địa danh.

+ Khảo sát nhu cầu của tổ chức KH&CN, viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp, cộng đồng, địa phương về áp dụng, đổi mới công nghệ, khai thác sáng chế/giải pháp hữu ích phục vụ hoạt động nghiên cứu, triển khai, sản xuất và kinh doanh; tra cứu, đánh giá, lựa chọn và xác định công nghệ, các giải pháp phù hợp với nhu cầu khai thác, áp dụng; xây dựng và triển khai phương án áp dụng công nghệ, các giải pháp từ các sáng chế/giải pháp hữu ích đã lựa chọn;

tư vấn, hỗ trợ đăng ký xác lập quyền SHTT cho tổ chức, cá nhân có sáng kiến, giải pháp kỹ thuật, bản quyền tác giả và quyền liên quan cho các tác phẩm văn hóa văn nghệ, bản ghi âm, ghi hình và các thành quả sáng tạo khác.

+ Khảo sát đánh giá tiềm năng của các sản phẩm, dịch vụ nhằm xác định sự phù hợp của đối tượng, tiêu chí bảo hộ trong và ngoài nước, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, như: Các kết quả nghiên cứu KH&CN, công trình KH&CN đạt giải thưởng cấp quốc gia và cấp thành phố, sản phẩm OCOP, sản phẩm lưu niệm phục vụ du lịch, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp quan trọng, sản phẩm của các hợp tác xã, làng nghề, sản phẩm nông nghiệp của địa phương, sản phẩm của doanh nghiệp KH&CN... có khả năng đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp.

- Thiết kế, xây dựng bộ công cụ tra cứu, phần mềm, chương trình ứng dụng trên thiết bị điện tử, thiết bị di động để cung cấp thông tin, hỗ trợ, tư vấn về SHTT; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu, các gói thông tin SHTT chuyên ngành để cung cấp thông tin, hỗ trợ, tư vấn về SHTT phục vụ phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn thành phố.

b) Hỗ trợ tra cứu, khai thác thông tin SHTT

- Cung cấp dịch vụ thông tin SHTT. Hỗ trợ tra cứu, khai thác thông tin SHTT cho các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm tạo ra các tài sản trí tuệ được bảo hộ và bài báo khoa học có tính ứng dụng cao.

- Hỗ trợ hình thành và phát triển các tổ chức cung cấp dịch vụ phân tích thông tin sáng chế và dự báo xu hướng phát triển công nghệ.

c) Thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước đối với sáng chế; kiểu dáng công nghiệp; nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ và công nhận đối với giống cây trồng mới. Tùy điều kiện thực tế về kinh phí bố trí hàng năm để xem xét hỗ trợ cho các đối tượng. Trong đó ưu tiên các sản phẩm, dịch vụ là kết quả nghiên cứu KH&CN, công trình KH&CN đạt giải thưởng cấp quốc gia và cấp thành phố, sản phẩm lưu niệm phục vụ du lịch, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp quan trọng, sản phẩm OCOP, sản phẩm của các hợp tác xã, làng nghề, sản phẩm nông nghiệp của địa phương, sản phẩm của các doanh nghiệp KH&CN.

d) Hỗ trợ nghiên cứu, xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý trong và ngoài nước đối với các sản phẩm, dịch vụ chủ lực, sản phẩm lưu niệm phục vụ du lịch, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp quan trọng, sản phẩm tham gia Chương trình OCOP, sản phẩm của các hợp tác xã, làng nghề, sản phẩm nông nghiệp của địa phương; tra cứu thông tin phục vụ đăng ký bảo hộ giống cây trồng mới đối với các sản phẩm nông nghiệp địa phương.

3. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ

a) Hỗ trợ các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức KH&CN và doanh nghiệp tạo ra kết quả nghiên cứu được bảo hộ quyền SHTT; tăng cường sử dụng các công cụ SHTT để phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, các sản phẩm, dịch vụ có lợi thế cạnh tranh.

b) Hỗ trợ liên kết đơn vị có năng lực, tổ chức, cá nhân ươm tạo các tài sản trí tuệ từ khâu hình thành ý tưởng nghiên cứu đến phát triển tài sản trí tuệ, sản xuất thử nghiệm hình thành doanh nghiệp KH&CN.

c) Hỗ trợ xây dựng và triển khai hệ thống quản lý chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP, gắn với đăng ký mã số vùng trồng, an toàn thực phẩm, chứng nhận chất lượng và xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm được bảo hộ.

d) Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khai thác, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP theo hướng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm được bảo hộ theo chuỗi giá trị.

đ) Hỗ trợ giới thiệu, quảng bá và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại cho các tài sản trí tuệ của thành phố Đà Nẵng ở trong và ngoài nước nhằm khai thác, phát triển giá trị tài sản trí tuệ; Hỗ trợ các hoạt động khai thác, nâng cao giá trị và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền SHTT; Hỗ trợ giới thiệu, quảng bá, xúc tiến thương mại cho các tài sản trí tuệ như hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia Chợ công nghệ và thiết bị (Techmart), hoạt động trình diễn kết nối cung - cầu công nghệ (Techdemo), ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Techfest), các sự kiện, triển lãm trong nước và ngoài nước nhằm quảng bá sản phẩm, tìm kiếm và mở rộng thị trường.

e) Hỗ trợ khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích của Việt Nam được bảo hộ, sáng chế của nước ngoài không được bảo hộ hoặc hết thời hạn bảo hộ tại Việt Nam.

g) Hỗ trợ quản trị tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp và tổ chức KH&CN. Xây dựng và triển khai mô hình quản lý và phát triển tài sản trí tuệ trong các doanh nghiệp, ưu tiên các doanh nghiệp KH&CN và tổ chức KH&CN. Hỗ trợ tư vấn, định giá, kiểm toán tài sản trí tuệ (tập trung vào các đối tượng là sáng chế, tên thương mại, nhãn hiệu của các doanh nghiệp).

4. Thúc đẩy và tăng cường hiệu quả thực thi và chống xâm phạm quyền SHTT

a) Triển khai các biện pháp bảo vệ và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền SHTT

- Xây dựng, triển khai các biện pháp bảo vệ và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền SHTT.

- Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau và với cơ quan tư pháp trong việc bảo vệ quyền SHTT.

- Tích cực và chủ động phát hiện, phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm về SHTT; khuyến khích giải quyết các tranh chấp về SHTT bằng hình thức trọng tài, hòa giải.

- Khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chủ động tự bảo vệ quyền SHTT của mình; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ SHTT cho đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

- Phối hợp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT trên địa bàn.

b) Tổ chức trưng bày, giới thiệu, triển lãm sản phẩm được bảo hộ quyền SHTT cùng với các sản phẩm xâm phạm quyền SHTT.

5. Các hoạt động quản lý thực hiện Chương trình

a) Thông tin, tuyên truyền về hoạt động của Chương trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình.

b) Tư vấn xác định, đặt hàng nhiệm vụ; tuyển chọn, giao trực tiếp các tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình; kiểm tra, đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ của Chương trình; tổ chức áp dụng, phổ biến và nhân rộng kết quả thực hiện nhiệm vụ; thuê chuyên gia tư vấn (nếu cần thiết) về các nội dung, nhiệm vụ phát sinh trong quá trình quản lý và tổ chức triển khai Chương trình.

c) Điều tra, khảo sát để xây dựng và triển khai các hoạt động nhằm chỉ đạo và tổ chức triển khai Chương trình; điều tra, khảo sát đánh giá tiềm năng của các sản phẩm, dịch vụ nhằm xác định sự phù hợp của đối tượng, tiêu chí bảo hộ trong và ngoài nước, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ.

d) Tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết Chương trình.

đ) Các nội dung khác phục vụ công tác quản lý Chương trình.

III. GIẢI PHÁP QUẢN LÝ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Các nhiệm vụ thuộc Chương trình gồm các nhiệm vụ thường xuyên hàng năm do Sở Khoa học và Công nghệ quản lý và các nhiệm vụ KH&CN.

1. Nhiệm vụ thường xuyên hàng năm thuộc Chương trình: Là nhiệm vụ gắn với chức năng, nhiệm vụ, chuyên môn nghiệp vụ của Cơ quan quản lý Chương trình là Sở Khoa học và Công nghệ, được thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán của Cơ quan quản lý được phê duyệt, bao gồm các nhiệm vụ:

a) Tổ chức tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực về SHTT tại điểm a khoản 1 mục II Điều 1: Nội dung và mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 241/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND thành phố Đà Nẵng về quy

định mức chi cụ thể cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và các quy định hiện hành.

b) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về SHTT trên các phương tiện thông tin đại chúng tại tiết 1 điểm c khoản 1 mục II Điều 1: Nội dung và mức chi thực hiện theo Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản; Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác; Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình; Thông tư số 09/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh; Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2019 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành quy định về chế độ chi trả nhuận bút, thù lao đối với công, trang thông tin điện tử và hệ thống đài truyền thanh cơ sở của thành phố Đà Nẵng. Các nội dung chi khác (chi phí in, phát hành đối với báo chí in, xuất bản phẩm) thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

c) Tổ chức các hội nghị, hội thảo, sự kiện tuyên truyền, nâng cao nhận thức về SHTT tại tiết 2 điểm c khoản 1 mục II Điều 1: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 240/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của HĐND thành phố Đà Nẵng về quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại thành phố Đà Nẵng, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của HĐND thành phố Đà Nẵng về quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2019 của UBND thành phố Đà Nẵng quy định đối tượng khách trong nước được mời cơm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

d) Biên soạn, phát hành tài liệu về SHTT tại tiết 3 điểm c khoản 1 mục II Điều 1: Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

đ) Vinh danh, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân về các hoạt động SHTT tiết 4 điểm c khoản 1 mục II Điều 1: Nội dung và mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 248/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của HĐND thành phố quy định về khen thưởng trong hoạt động khoa học và công nghệ thành phố Đà Nẵng.

e) Thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước tại điểm c khoản 2 Mục II Điều 1 căn cứ Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 9/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030, giao Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND thành phố trình HĐND thành phố ban hành Quy định về nội dung và mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

g) Tổ chức trưng bày, giới thiệu, triển lãm sản phẩm được bảo hộ quyền SHTT cùng với các sản phẩm xâm phạm quyền SHTT tại điểm b khoản 4 mục II Điều 1: Nội dung và mức chi thực hiện theo khoản 2, Điều 8, Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 9/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030.

h) Các nhiệm vụ về quản lý Chương trình tại khoản 5 mục II Điều 1: Nội dung và mức chi thực hiện theo các quy định hiện hành.

2. Các nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình, bao gồm:

a) Phát triển, nâng cao năng lực các tổ chức trung gian và chủ thể quyền SHTT tại điểm b khoản 1 mục II Điều 1;

b) Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu để phát triển tài sản trí tuệ tại điểm a khoản 2 mục II Điều 1;

c) Hỗ trợ tra cứu, khai thác thông tin SHTT tại điểm b khoản 2 mục II Điều 1;

d) Nghiên cứu, xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý trong và ngoài nước tại điểm d khoản 2 mục II Điều 1;

đ) Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ tại khoản 3 mục II Điều 1 này được thực hiện theo hình thức nhiệm vụ KH&CN;

e) Triển khai các biện pháp bảo vệ và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền SHTT tại điểm a khoản 4 mục II Điều 1.

Các nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình thực hiện theo quy định tại Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng quy định quản lý các nhiệm vụ KH&CN thành phố Đà Nẵng.

Giao Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Hướng dẫn thực hiện đối với các nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ thành phố Đà Nẵng đến năm 2030 theo Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND và Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN.

Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Quyết định số 39/2020/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Ngân sách sự nghiệp KH&CN thành phố chỉ thực hiện các nhiệm vụ KH&CN của Chương trình; chỉ các hoạt động chung và nhiệm vụ thường xuyên; chỉ đối ứng thực hiện các nhiệm vụ cấp quốc gia triển khai tại thành phố Đà Nẵng. Trong đó ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về đăng ký bảo hộ, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ đối với nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận và chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của địa phương, sản phẩm gắn với Chương trình OCOP.

2. Nguồn kinh phí khác:

a) Kinh phí của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình;

b) Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

Điều 2. Danh mục nhiệm vụ chủ yếu thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ thành phố Đà Nẵng đến năm 2030

1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục nhiệm vụ chủ yếu thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ thành phố Đà Nẵng đến năm 2030 thực hiện trong giai đoạn 2022-2025.

2. Sau năm 2025, trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện Chương trình giai đoạn 2022-2025; giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu ban hành Danh mục nhiệm vụ chủ yếu thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ thành phố Đà Nẵng đến năm 2030 thực hiện trong giai đoạn 2026-2030.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực, chủ trì, điều hành, quản lý và tổ chức triển khai Chương trình. Có nhiệm vụ:

a) Ban hành hướng dẫn thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ thành phố Đà Nẵng đến năm 2030 cho phù hợp với Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11/06/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 và Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng quy định quản lý các nhiệm vụ KH&CN thành phố Đà Nẵng.

b) Tham mưu UBND thành phố trình HĐND thành phố ban hành Quy định về nội dung và mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09/9/2021 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030

c) Thông tin, tuyên truyền về hoạt động của Chương trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình.

d) Đào tạo, tập huấn chuyên môn cho cán bộ quản lý, tổ chức triển khai Chương trình.

e) Xây dựng kế hoạch và lập dự toán hàng năm thực hiện Chương trình.

g) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đề xuất các nhiệm vụ KH&CN tham gia thực hiện Chương trình.

h) Hướng dẫn và tiếp nhận các thủ tục, hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí của các tổ chức, cá nhân tham gia Chương trình.

i) Sử dụng và quyết toán kinh phí Chương trình theo đúng quy định chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước.

k) Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện Chương trình, báo cáo UBND thành phố Đà Nẵng.

2. Sở Tài chính

Hàng năm, tại thời điểm xây dựng dự toán trên cơ sở đề nghị của các đơn vị, căn cứ các định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo UBND thành phố trình HĐND thành phố phê duyệt theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hiện hành có liên quan.

3. Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Thông tin và Truyền thông

a) Phối hợp đề xuất các nhiệm vụ hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ cho sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, sản phẩm lưu niệm phục vụ du lịch, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm thương mại đặc trưng, sản phẩm nông nghiệp của địa phương, sản phẩm OCOP, sản phẩm của doanh nghiệp khoa học và công nghệ và các doanh nghiệp khác; tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường thương hiệu các đặc sản và sản phẩm đặc trưng của thành phố.

b) Phối hợp giới thiệu, vận động cá nhân, doanh nghiệp tham gia Chương trình.

c) Phối hợp tuyên truyền, phổ biến kiến thức về SHTT cho cộng đồng, tập huấn đào tạo cho lực lượng cán bộ quản lý thực thi của thành phố.

d) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT theo chức năng, nhiệm vụ được giao (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý giống cây trồng, Sở Văn hóa và Thể thao quản lý quyền tác giả, quyền liên quan).

4. Cục Hải quan thành phố, Công an thành phố, Cục Quản lý thị trường thành phố

a) Phối hợp thúc đẩy và tăng cường hiệu quả thực thi và chống xâm phạm quyền SHTT theo thẩm quyền.

b) Phối hợp xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo cho lực lượng cán bộ

quản lý thực thi của thành phố.

5. UBND các quận, huyện

a) Giới thiệu, vận động tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tại địa phương tham gia thực hiện Chương trình.

b) Rà soát sản phẩm truyền thống, đặc thù của địa phương, các sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp để xuất tham gia Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

c) Phối hợp với các cơ quan chức năng trong hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật SHTT và hoạt động kiểm tra, thanh tra, xử lý các vi phạm quyền SHTT trên địa bàn.

d) Bố trí ngân sách, huy động các nguồn lực để phát triển tài sản trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

6. Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện các giải pháp khuyến khích, thúc đẩy phát triển tài sản trí tuệ tại các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp trong khu công nghệ cao và các khu công nghiệp.

7. Đài Phát thanh - Truyền hình Đà Nẵng, Báo Đà Nẵng, Cổng Thông tin điện tử thành phố và các cơ quan báo, đài khác liên quan

Phối hợp thông tin, tuyên truyền về Chương trình, nâng cao nhận thức về SHTT.

8. Các Viện, trường đại học, cao đẳng, tổ chức KH&CN

a) Phối hợp cung cấp thông tin, tham gia triển khai các nhiệm vụ của Chương trình.

b) Cung cấp chuyên gia, triển khai nghiên cứu ứng dụng nhằm phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn thành phố.

9. Tổ chức, cá nhân tham gia Chương trình

a) Thực hiện nghiêm túc các quy định của Chương trình và các cam kết đã đưa ra.

b) Sử dụng kinh phí của Chương trình đúng mục đích, có hiệu quả, không lãng phí, tuân thủ Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành.

c) Kịp thời phản ánh những khó khăn vướng mắc trong quá trình tham gia Chương trình với Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp tham mưu UBND thành phố Đà Nẵng có những điều chỉnh phù hợp đảm bảo Chương trình được triển khai hiệu quả.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa và Thể thao, Cục Hải

quan thành phố, Công an thành phố, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp, UBND các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Các Bộ: KH&CN, NN&PTNT, VH&DL;
- Cục SHTT;
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- VP UBND TP;
- Các SBN, quận/huyện;
- Các hội, hiệp hội doanh nghiệp TP ĐN;
- Báo Đà Nẵng, Đài PT-TH Đà Nẵng;
- Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, KGVX, SKHCN.

52₁

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Thị Kim Yến



Phụ lục

**DANH MỤC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2022-2025**

(Kèm theo Quyết định số 3836/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2021 của UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	Đanh mục nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Căn cứ	Kinh phí dự kiến từ nguồn sự nghiệp KH&CN (ĐVT: triệu đồng)			
					2022	2023	2024	2025
I	Nâng cao nhận thức, chất lượng nguồn lực về SHTT (nhiệm vụ thường xuyên hàng năm)				300	1.250	1.250	1.250
1	Tổ chức tập huấn kiến thức cơ bản về SHTT cho cộng đồng, ưu tiên các đối tượng cơ quan quản lý nhà nước, UBND các quận/ huyện, hợp tác xã, làng nghề, các viện, trường, doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Dự kiến bình quân 02 lớp/100 lượt người/năm (Riêng năm 2022 dự kiến 01 lớp/50 lượt người/năm)	Sở KH&CN	Các Sở, ban ngành, các trường Đại học	Thông tư số 75/2021/TT-BTC; Nghị quyết số 241/2019/NQ-HĐND và các quy định hiện hành	50	100	100	100
2	Tổ chức các lớp đào tạo chuyên đề nâng cao cho các đối tượng cán bộ, công chức, chủ thể quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, doanh nghiệp KH&CN. Dự kiến bình quân 02 lớp/100 lượt người/năm (Riêng năm 2022 dự kiến 01 lớp/50 lượt người/năm).	Sở KH&CN	Các Sở, ban ngành, các trường Đại học		50	200	200	200
3	Phối hợp với Trường Đại học/cơ sở đào tạo tổ chức chương trình Đào tạo chuyên sâu (dự kiến bình quân 01 khóa/năm)	Trường Đại học	Sở KH&CN; Cục SHTT			500	500	500
4	Cử cán bộ đào tạo về SHTT (dự kiến bình quân 05 lượt cán bộ/năm)	Sở KH&CN				50	50	50

TT	Danh mục nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Căn cứ	Kinh phí dự kiến từ nguồn sự nghiệp KH&CN (ĐVT: triệu đồng)			
					2022	2023	2024	2025
5	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về SHTT trên các phương tiện thông tin đại chúng (xây dựng nội dung, biên soạn tài liệu, ấn phẩm, chương trình, phát hành tài liệu về SHTT...)	Báo Đà Nẵng, Đài Phát thanh - Truyền hình, Cổng Thông tin điện tử thành phố, Sở KH&CN	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ; Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND thành phố Đà Nẵng; Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ; Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20/4/2018 và các quy định hiện hành.	100	300	300	300
6	Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện tuyên truyền, nâng cao nhận thức về SHTT hàng năm (ít nhất 01 sự kiện/năm nhân ngày SHTT thế giới); Hội nghị, hội thảo công bố, hướng dẫn sử dụng đối với nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý đã được cấp văn bằng bảo hộ (dự kiến bình quân 01 hội thảo, hội nghị/năm)	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	Nghị quyết số 240/2019/NQ-HĐND; Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND và Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND.	100	100	100	100

TT	Danh mục nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Căn cứ	Kinh phí dự kiến từ nguồn sự nghiệp KH&CN (ĐVT: triệu đồng)			
					2022	2023	2024	2025
II	Khuyến khích, thúc đẩy các hoạt động tạo ra và xác lập tài sản trí tuệ				1.200	2.090	2.390	2.090
1	Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu để phát triển tài sản trí tuệ (nhiệm vụ khoa học và công nghệ)			Thông tư số 75/2021/TT-BTC; Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND; Quyết định số 39/2020/QĐ-UBND.				
a	Điều tra khảo sát, thu thập thông tin về tài sản trí tuệ, các hoạt động liên quan đến công tác sáng tạo, xác lập, khai thác và bảo vệ, thực thi quyền SHTT	Tổ chức, doanh nghiệp, viện, trường	Sở KH&CN			500	500	500
b	Thiết kế, xây dựng bộ công cụ tra cứu, cơ sở dữ liệu, gói thông tin SHTT chuyên ngành	Sở KH&CN	Đơn vị tư vấn		100	100	100	100
2	Hỗ trợ tra cứu, khai thác thông tin SHTT cho các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm tạo ra các tài sản trí tuệ được bảo hộ và bài báo khoa học có tính ứng dụng cao (nhiệm vụ khoa học và công nghệ).	Sở KH&CN	Các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp			200	200	200
3	Thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong và ngoài nước đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, giống cây trồng (nhiệm vụ thường xuyên hàng năm).			Thông tư số 75/2021/TT-BTC và các quy định hiện hành.				
a	Hỗ trợ đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu (dự kiến bình quân 30 sản phẩm/năm)	Sở KH&CN	Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp		450	450	450	450

TT	Danh mục nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Căn cứ	Kinh phí dự kiến từ nguồn sự nghiệp KH&CN (ĐVT: triệu đồng)			
					2022	2023	2024	2025
b	Hỗ trợ đăng ký xác lập quyền đối với sáng chế, giống cây trồng mới (dự kiến bình quân 2 sáng chế, giống cây trồng mới/năm)	Sở KH&CN	Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp		90	60	60	60
c	Hỗ trợ đăng ký bảo hộ ở nước ngoài cho các đối tượng sáng chế, giống cây trồng mới, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu (dự kiến bình quân 2 đơn/năm).	Sở KH&CN	Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp		60	180	180	180
4	Thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong và ngoài nước đối với nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý (nhiệm vụ khoa học và công nghệ)			Thông tư số 75/2021/TT-BTC; Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 39/2020/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng.				
	Hỗ trợ đăng ký bảo hộ trong nước đối với chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm đặc thù của địa phương, sản phẩm tham gia Chương trình OCOP (dự kiến 5 sản phẩm)	Sở KH&CN	UBND các quận, huyện; các tổ chức kinh tế tập thể; đơn vị tư vấn		200	500	500	500
5	Đổi ứng các dự án thuộc Chương trình Phát triển tài sản quốc gia nhằm xác lập quyền SHTT cho các sản phẩm địa phương	Sở KH&CN	UBND các quận, huyện; các tổ chức kinh tế tập thể; đơn vị tư vấn		300		300	
III	Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ (nhiệm vụ khoa học và công nghệ)				500	2.200	2.400	2.400
1	Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của các viện, trường,	Sở KH&CN	UBND các quận,	Thông tư số	500	2.000	2.000	2.000

TT	Danh mục nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Căn cứ	Kinh phí dự kiến từ nguồn sự nghiệp KH&CN (ĐVT: triệu đồng)			
					2022	2023	2024	2025
	doanh nghiệp - Hỗ trợ xây dựng và triển khai, khai thác, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm thuộc Chương trình OCOP gắn với đăng ký mã số vùng trồng, an toàn thực phẩm, chứng nhận chất lượng và xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm được bảo hộ (dự kiến ít nhất 1 sản phẩm/năm) - Hỗ trợ giới thiệu, quảng bá, xúc tiến thương mại cho các tài sản trí tuệ của thành phố		huyện; các tổ chức kinh tế tập thể; tổ chức KH&CN; doanh nghiệp; đơn vị tư vấn	75/2021/TT-BTC; Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 39/2020/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng.				
2	Hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình quản trị tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp và tổ chức KH&CN (dự kiến 05 mô hình)	Sở KH&CN	Doanh nghiệp; tổ chức KH&CN; đơn vị tư vấn			200	400	400
IV	Thúc đẩy và tăng cường hiệu quả thực thi và chống xâm phạm quyền SHTT	Sở KH&CN				100	100	100
	Hỗ trợ trưng bày, giới thiệu sản phẩm được bảo hộ quyền SHTT và đối chứng sản phẩm xâm phạm quyền Tổ chức các hoạt động, hội nghị triển khai biện pháp bảo vệ và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi (nhiệm vụ thường xuyên hàng năm).	Sở KH&CN	UBND các quận/huyện, Sở CT, Sở NNPTNT, Công an, Cục QLTT, Cục HQ	Thông tư số 75/2021/TT-BTC		100	100	100
V	Hoạt động quản lý Chương trình	Sở KH&CN			100	200	200	300

TT	Danh mục nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Căn cứ	Kinh phí dự kiến từ nguồn sự nghiệp KH&CN (ĐVT: triệu đồng)			
					2022	2023	2024	2025
1	Các hoạt động quản lý Chương trình (Thông tin, tuyên truyền về Chương trình, cơ chế chính sách; Tư vấn xác định, đặt hàng nhiệm vụ; tuyển chọn, giao trực tiếp, kiểm tra, đánh giá nghiệm thu; phổ biến nhân rộng kết quả; điều tra khảo sát phục vụ công tác quản lý...)	Sở KH&CN	Sở, ngành, đơn vị liên quan	Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND;...	100	200	200	200
2	Tổ chức hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình và xây dựng nhiệm vụ thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030	Sở KH&CN	Các SBN, UBND quận/huyện, viện, trường đại học, doanh nghiệp và đơn vị liên quan	Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND;...				100
Tổng cộng: 20.120 triệu đồng					2.100	5.740	6.240	6.040
Trong đó:								
- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên hàng năm: 7.820 triệu đồng					1.000	2.240	2.240	2.340
- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN: 12.300 triệu đồng					1.100	3.500	4.000	3.700